

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2022/DS-PT
Ngày 29 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp “Đòi tài sản là
nhà và quyền sử dụng đất; Hủy
hợp đồng chuyển nhượng quyền
sử dụng đất; hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

- Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Vĩnh Hữu.

2. Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 265/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất và nhà, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2021/QĐXXPT-DS ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồ Thu H, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 466/18/64 đường Đ, Phường B, Tp. M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đăng Hưng P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Nguyễn Hoàng A** – Văn phòng Luật sư Hoàng Anh Minh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số 145, ấp A, xã An K, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ liên lạc: số 66/11 đường Đoàn Thị N, tổ C, khu phố M, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố N, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 240B đường L, khu phố M, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Văn phòng Công chứng L (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 44-46 N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Chị **Nguyễn Thị Hoàng A1**, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 66/11 đường Đoàn Thị N, tổ C, khu phố M, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Nguyễn Thanh H1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Hồ Thu H trình bày:

Ngày 07/6/2017, bà có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị B phần đất thuộc thửa đất số 477, diện tích 97,1m², đất tại khu phố 10, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và ngôi nhà có kết cấu mái tôn, vách tường, nền gạch. Bà và bà B có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/6/2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng L. Sau đó bà B và bà có ký kết văn bản cam kết về tài sản trên đất ngày 10/10/2017 cũng được công chứng tại Văn phòng Công chứng L, theo đó bà B cam kết thửa đất không có tranh chấp hiện có một căn nhà và đồng chuyển giao cho bà ngôi nhà trên đất mà không đòi hỏi gì thêm. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có ngôi nhà nêu trên là hợp pháp và bà đã làm thủ tục sang tên giấy tờ. Ngày 22/10/2017 bà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08671 đối với phần đất và ngôi nhà nêu trên.

Ngay sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ngôi nhà cho bà, bà B đã di chuyển sang nơi khác ở để giao nhà cho bà. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thanh H1 nói là chồng của bà B (theo bà biết là không có đăng ký kết hôn) dọn đến ở và không giao nhà cho bà. Nhà và quyền sử dụng đất trước kia là của bà Trần

Thị B đã chuyển nhượng hợp pháp cho bà và bà đã được đứng tên giấy tờ hợp pháp nhưng ông H1 cố tình cản trở việc giao nhà của bà B. Bà B đã dọn đến nơi khác sống, sau đó ông H1 dọn đến ở trong ngôi nhà cố tình không chịu giao trả nhà và đất cho bà quản lý sử dụng.

Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, bà B đã giao nhà cho bà H. Sau đó, khoảng đầu năm 2019 ông H1 mới chuyển đến sống. Bà H có báo Công an phường N, ông H1 cũng đồng ý giao nhà cho bà H, đề nghị bà H hỗ trợ một số tiền để ông cất nhà khác ở. Bà H cũng đồng ý hỗ trợ 30.000.000 đồng để di dời bàn thờ của người con trai bà B, nhưng sau đó ông H1 không đồng ý nhận tiền.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh H1 giao cho bà phần đất và ngôi nhà số 240B đường L, khu phố M, phường N, thành phố M.

Theo bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 có yêu cầu phản tố trình bày:

Ông và vợ là Trần Thị B kết hôn năm 1998. Thời gian trước vợ chồng sống ở Bến Tre gần 20 năm thì chuyển về cất nhà trên đất của mẹ vợ cho tại số 66/11 đường Đoàn Thị N, tổ C, khu phố M, phường N, thành phố M (địa chỉ cũ là 240B đường L, khu phố M, phường N, thành phố M) đã 15 năm nay (về cất nhà khoảng năm 2004). Vợ chồng tôn tạo nền vì cho đất mương, tài sản là căn nhà xây dựng cấp 4 kiên cố.

Bà Nguyễn Hồ Thu H là người thuê vợ ông làm mướn từ trước đến đòi lấy nhà đất của ông. Bà H nói do vợ ông bán nhà đất cho bà H cách đây 03 năm mà ông không hay biết. Rồi kéo nhiều người đến đập phá cửa nhà ông, ông đã nhờ Công an phường N giải quyết. Hiện tại bà Trần Thị B đã bỏ nhà đi đâu không rõ, ông không đồng ý cho bà H lấy nhà đất vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông. Ông không ký giấy tờ bán đất với bà H, việc vợ vay tiền của bà H ông không hay biết. Ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Hồ Thu H với bà Trần Thị B tại Văn phòng Công chứng L ngày 10/10/2017 lý do không đúng theo thủ tục qui định, quyền sử dụng đất là của mẹ vợ cho vợ chồng, căn nhà cấp 4 là của vợ chồng cùng xây dựng. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08671 ngày 27/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà Nguyễn Hồ Thu H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Văn H2 trình bày:

Hợp đồng chuyển nhượng này thực tế là để hợp thức hóa số tiền bà H cho bà B vay. Ông H1 biết bà B có nợ bà H một số tiền nhưng không biết bao nhiêu. Nay ông H1 đồng ý trả cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất tranh chấp theo chứng thư thẩm định. Ông H1 không biết bà B bán nhà đất, đến ngày 15/6/2019 bà H đến đòi nhà thì ông mới biết sự việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoàng A1 trình bày:

Chị là con ruột của ông H1 và bà B, chị cùng cha mẹ về sinh sống tại số 66/11 đường Đoàn Thị N, tổ C, khu phố M, phường N, thành phố M (địa chỉ cũ là 240B L, phường N, thành phố M) đã 15 năm nay (về cất nhà khoảng năm 2004). Đất nương do bà ngoại là bà Nguyễn Thị L sinh năm 1945 cho, cha mẹ chị cất nhà xây dựng cấp 4 kiên cố. Bà Nguyễn Hồ Thu H đến đòi lấy nhà đất của gia đình chị lý do mẹ chị bán nhà đất cho bà H cách đây 03 năm mà chị không hay biết, rồi kêu người đến đập phá nhà cửa. Mẹ chị đơn phương đi vay tiền của bà H, rồi một mình bán nhà đất mà không thông qua ý kiến của chị và cha chị. Hiện tại mẹ chị là bà Trần Thị B đã bỏ nhà đi đâu không rõ. Chị không đồng ý cho bà Nguyễn Hồ Thu H lấy nhà đất vì đây là tài sản chung của gia đình chị, chị không ký giấy tờ thì một mình mẹ chị không thể chuyển nhượng được. Chị yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Nguyễn Hồ Thu H với bà Nguyễn Thị B vì nhà gắn liền với QSDĐ là tài sản chung hộ gia đình, chưa có ý kiến của chị; Hủy giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp GCN CS 08671 ngày 27/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Hồ Thu H. Chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào khoảng năm 2004 bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H1 và bà Trần Thị B một diện tích cái ao khoảng 97,1m² thửa đất số 477, tờ bản đồ số 26. Loại đất trồng cây lâu năm, đất sát sau lưng nhà của bà hiện tại (trước đó hai vợ chồng sống bên xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre). Vợ chồng H1 bồi đắp cát nhà tường, có sửa chữa và ở cho đến nay. Nay bà cam kết bà có cho QSDĐ diện tích cái ao khoảng 97,1m² thửa đất số 477, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại đường Đoàn Thị N, tổ C, khu phố M, phường N, Tp. M là cho chung vợ chồng Nguyễn Thanh H1 và Trần Thị B. Hai vợ chồng đã cũng bồi đắp nhà và xây dựng nhà gắn liền QSDĐ là tài sản chung hai con và các cháu.

Người làm chứng ông Lê Minh H3 trình bày:

Vào ngày 27/4/2017 ông có nhận làm hồ sơ tách thửa cho ông Trần Văn M tách thửa đất cho con là Trần Thị B, sinh năm 1974. Theo hợp đồng tặng cho số 660 do Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 27/4/2017, đến ngày 07/6/2017 bà Trần Thị B có nhờ ông làm hồ sơ hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Hồ Thu H sinh năm 1969. Trong quá trình làm thủ tục sang tên không có gì xảy ra, ông đã làm xong giấy tờ và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đứng tên. Ông cũng có thấy bà H giao tiền cho bà B tại Văn phòng Công chứng L nhưng không biết là bao nhiêu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều

167, 168, Khoản 1 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồ Thu H.

- Buộc ông Nguyễn Thanh H1 phải di dời giao cho bà Nguyễn Hồ Thu H phần đất có diện tích 97,4m² thửa đất số 477, tờ bản đồ số 26, tại khu phố 10, phường N, thành phố M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08133 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/5/2017 cho bà Nguyễn Hồ Thu H và căn nhà trên thửa đất trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh H1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu 900.000 đồng. Ông đã nộp 600.000 tạm ứng án phí theo biên lai số 0000276 ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên ông phải nộp tiếp 300.000 đồng.

- Bà Nguyễn Hồ Thu H được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0014352 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn H2 vẫn giữ nguyên kháng cáo, cung cấp kết quả đo đạc ngày 09/8/2022, kết quả định giá theo chứng thư định giá ngày 26/8/2022 đối với nhà đất tranh chấp.

Nguyên đơn không đồng ý theo kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang do vi phạm nghiêm trọng tố tụng và không có khả năng thi hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và yêu cầu phản tố của bị đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là có căn cứ.

[2]. Về thời hạn kháng cáo: Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang ban hành Bản án số 57/2021/DSST ngày 15/11/2021, ngày 25/11/2021 bị đơn ông H1 có kháng cáo và nộp biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H1:

[3.1]. Nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng và nội dung như:

Thứ nhất: Hộ ông Nguyễn Thanh H1 hiện đang sinh sống trên phần đất tranh chấp gồm có bốn thành viên gồm: ông H1, vợ ông H1 là bà Trần Thị B và hai con chung của ông H1 với bà B là cháu Nguyễn Thị Hoàng A1, sinh năm 1996, cháu Nguyễn Thiên P, sinh năm 2014, cấp sơ thẩm chỉ đưa bà B, cháu Hoàng Anh tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không đưa cháu P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cháu P.

Thứ hai: Bà B, cháu A1 và cháu P là thành viên trong hộ ông H1 đang ở trên nhà đất tranh chấp nhưng trong phần quyết định của bản án “*Buộc ông Nguyễn Thanh H1 phải di dời giao cho bà Nguyễn Hồ Thu H phần đất có diện tích 97,4m² thửa đất số 477, tờ bản đồ số 26, tại khu phố 10, phường N, thành phố M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08133 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/5/2017 cho bà Nguyễn Hồ Thu H và căn nhà trên thửa đất trên thửa đất trên*” chỉ buộc duy nhất ông H1 di dời tài sản giao nhà trả đất cho bà H mà không buộc bà B, cháu A1 và cháu P có nghĩa vụ liên đới cùng ông H1 thực hiện là không giải quyết triệt để vụ án, không thể thi hành được bản án.

Thứ ba: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ công sức bồi thổ, san lấp từ cái ao khi ông H1, bà B được cha mẹ bà B là ông M, bà L cho phần đất tranh chấp là cái ao vào năm 2004, mục đích để sử dụng vào việc xây nhà ở và căn nhà xây dựng trên đất năm 2009 có phải là tài sản cá nhân của bà B hay tài sản chung của vợ chồng bà B ông H1 đã công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và bà H. Vì có cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà B cho chung vợ chồng nhưng khi làm thủ tục bà B nhờ ông Lê Minh H3 làm thủ tục chỉ để tên bên nhận tặng cho là cá nhân bà B nhằm mục đích chuyển nhượng cho bà H không thông qua ông H1. Mặt khác, Ủy ban nhân dân phường

N, thành phố M xác nhận ông H1, bà B và cháu A1 đã về cất nhà ở trên đất tranh chấp từ năm 2009 đến nay.

Thứ tư: Bà Nguyễn Hồ Thu H cho rằng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất từ bà B nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/6/2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng L không có ghi nhận có căn nhà trên đất. Sau đó, bà H và bà B mới ký kết văn bản cam kết về tài sản trên đất ngày 10/10/2017 cũng được công chứng tại Văn phòng Công chứng L, theo đó bà B cam kết thừa đất không có tranh chấp, hiện có một căn nhà, bà B đồng chuyển giao cho bà H ngôi nhà trên đất mà không đòi hỏi gì thêm. Qua thẩm định giá căn nhà và tài sản trên đất có giá trị 117.397.000 đồng nhưng bà B lại đồng ý chuyển nhượng cho bà H mà không nhận thêm một đồng nào là bất hợp lý. Mặt khác, biên nhận tiền chuyển nhượng nhà đất tranh chấp do bà H cung cấp, qua giám định không phải do bà B ký. Như vậy, nội dung vụ án còn nhiều vấn đề chưa được cấp sơ thẩm làm rõ để xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông H1 về chia tài sản chung là có cơ sở hay không.

[3.2]. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3.3]. Do hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H1.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ xử lý khi giải quyết lại vụ án ở cấp sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông H1 tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông H1 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0022031 ngày 25/5/2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính